

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**  
Ngành đào tạo: **Quản lý kinh tế**  
Tên tiếng Anh: **Economic Management**  
Mã ngành: **8310110**  
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

*Bình Định, 2021*

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

Tên tiếng Anh: Economic Management

Mã ngành: 8310110

Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

### 1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn được thiết kế nhằm đào tạo các thạc sĩ có những kiến thức chuyên sâu, hiện đại phù hợp với bối cảnh mới của đất nước và quốc tế về quản lý, quản trị nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.

#### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Quản lý kinh tế
2. Mã ngành/chuyên ngành đào tạo	8310110
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Quản lý kinh tế
5. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
6. Số tín chỉ yêu cầu	60
7. Khoa quản lý	Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước
8. Hình thức đào tạo	Chính quy; Vừa làm vừa học
9. Thời gian đào tạo	2 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021.
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo các quy định hiện hành của

	Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn
13. Vị trí việc làm	<p>-Chuyên gia tư vấn, chuyên gia hoạch định chính sách, chiến lược trên các lĩnh vực quản lý kinh tế thuộc hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương và các tổ chức kinh tế – xã hội khác.</p> <p>- Làm lãnh đạo, quản lý về lĩnh vực kinh tế, quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.</p> <p>- Học viên kết thúc khóa học cũng có thể làm việc tại các viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, và các tổ chức kinh tế - xã hội với tư cách là giảng viên, chuyên gia kinh tế và quản lý.</p>
14. Học tập nâng cao trình độ	Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ Tiến sĩ tại trường và các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và ngoài nước như: quản lý kinh tế, kinh tế học, kinh tế chính trị,...
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Vinh; Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	2021

### 1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế như sau:

Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong	Khối kiến thức chung	Học phần Triết học	x		
	Khối kiến	Các học phần lý thuyết	x	x	

chương trình đào tạo	thức cơ sở và chuyên ngành	Các học phần thực tập	x	x	x
	Đề án tốt nghiệp		x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu những kiến thức cơ bản, nâng cao của ngành và liên ngành	x		
	PLO2	Vận dụng những kiến thức cơ bản, nâng cao và liên ngành trong quản lý kinh tế ở các cơ quan Nhà nước và tổ chức tư nhân	x	x	x
	PLO3	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức trong tham gia hoạch định, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các doanh nghiệp, cũng như của đất nước	x	x	x
	PLO4	Đánh giá những vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế trong xu thế hiện nay	x		x
	PLO5	Kỹ năng quản lý kinh tế, có năng lực lập luận, tư duy sáng tạo như: lãnh đạo, thiết kế tổ chức, tổng hợp, quản lý,... trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân,...		x	x
	PLO6	Kỹ năng sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.	x		x
	PLO7	Kỹ năng phân tích và đánh giá những tác động kinh tế xã hội đến hoạt động kinh tế, kỹ năng phân tích và dự báo kinh tế.		x	x
	PLO8	Khả năng đánh giá và nghiên cứu khoa học, năng lực hoạch định, xây dựng các quyết định và chính sách trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	x	x	x
	PLO9	Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương; thiết lập, thẩm định và đánh giá các dự án phát triển; xác định các vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng cần ưu tiên; phân tích được mối quan hệ giữa chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.		x	x
	PLO10	Năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề và đề xuất những sáng kiến có giá trị, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.		x	x
	PLO11	Năng lực phân tích chính sách, quản lý và lãnh đạo; quản lý và thực thi	x		x

		các chính sách kinh tế - xã hội ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và dịch vụ công ở các địa phương. Có khả năng đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn.			
--	--	--	--	--	--

#### 1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

##### 1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế nhằm đào tạo học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng; bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế, có kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo trong bối cảnh đổi mới và hội nhập của đất nước.

##### 1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế có khả năng:

###### - Về kiến thức

- + PO1: Có những kiến thức chung về lãnh đạo quản lý.
- + PO2: Có những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý kinh tế và khả năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.
- + PO3: Có kiến thức để xây dựng, phân tích, hoạt định, giám sát các hoạt động kinh tế.
- + PO4: Kiến thức lĩnh hội được người học có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

###### - Về kỹ năng

- + PO5: Tham mưu, tư vấn, xây dựng, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát, phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và doanh nghiệp.
- + PO6: Quản lý theo quá trình: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, quản lý và kiểm soát.
- + PO7: Nhận dạng cơ hội kinh tế, khủng hoảng kinh tế, huy động và tổ chức nguồn lực để thực hiện thành công các cơ hội, ngăn chặn giảm quá trình khủng hoảng kinh tế.
- + PO8: Nắm được các kiến thức cần thiết cho việc lập các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội cho các địa phương và các tổ chức, các doanh nghiệp.
- + PO9: Làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, lãnh đạo và quản lý.

###### - Về mức tự chủ và trách nhiệm

- + PO10: Nghiên cứu độc lập đối với các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.
- + PO11: Có thái độ tự giác và đúng đắn về nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức phục vụ, xây dựng đất nước; có tác phong cầu thị, phương pháp làm việc khoa học.
- + PO12: Có khả năng tự thích nghi trong các môi trường làm việc khác nhau.

#### 1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

##### 1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Hiểu những kiến thức cơ bản, nâng cao của ngành và liên ngành.

2) PLO2: Vận dụng những kiến thức cơ bản, nâng cao và liên ngành trong quản lý kinh tế ở các cơ quan Nhà nước và tổ chức tư nhân.

3) PLO3: Vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức trong tham gia hoạch định, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các doanh nghiệp, cũng như của đất nước.

4) PLO4: Đánh giá những vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế trong xu thế hiện nay.

### **1.5.2. Về kỹ năng**

5) PLO5: Kỹ năng quản lý kinh tế, có năng lực lập luận, tư duy sáng tạo như: lãnh đạo, thiết kế tổ chức, tổng hợp, quản lý,... trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân,...

6) PLO6: Kỹ năng sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.

7) PLO7: Kỹ năng phân tích và đánh giá những tác động kinh tế xã hội đến hoạt động kinh tế, kỹ năng phân tích và dự báo kinh tế.

8) PLO8: Khả năng đánh giá và nghiên cứu khoa học, năng lực hoạch định, xây dựng các quyết định và chính sách trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

### **1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm**

9) PLO9: Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch như kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội cho địa phương; thiết lập, thẩm định và đánh giá các dự án phát triển; xác định các vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng cần ưu tiên; phân tích được mối quan hệ giữa chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

10) PLO10: Năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề và đề xuất những sáng kiến có giá trị, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.

11) PLO11: Năng lực phân tích chính sách, quản lý và lãnh đạo; quản lý và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và dịch vụ công ở các địa phương. Có khả năng đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn.

### **Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs**

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	x										
PO2		x									
PO3			x								
PO4				x							
PO5						x	x	x			
PO6					x	x					
PO7					x		x	x			
PO8							x	x			
PO9					x		x	x			
PO10									x		x

PO11											x	
PO12											x	

## 1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

### 1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

#### - Chuẩn bị của giảng viên

- + Tài liệu giảng dạy;
- + Tài liệu hướng dẫn học tập;
- + Các phương tiện dạy học (nếu cần-tùy theo tính chất học phần).

#### - Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự nghiên cứu]

- + Dạy trực tiếp: Thuyết giảng, thảo luận, tham luận.
- + Dạy gián tiếp: Câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm.
- + Học trải nghiệm: Thực tập, thực tế, tham quan và viết bài thu hoạch/bài tập nhóm.
- + Dạy học tương tác: Thảo luận, làm việc nhóm.
- + Tự nghiên cứu: Tiểu luận, báo cáo thực tập, đề án.

#### Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
<b>I. Dạy trực tiếp</b>												
1. Thuyết giảng	x	x	x	x								
2. Thảo luận		x	x				x			x	x	
3. Tham luận		x		x		x		x		x	x	
<b>II. Dạy gián tiếp</b>												
4. Câu hỏi gợi mở		x	x	x				x				x
5. Giải quyết vấn đề				x	x				x			
6. Dạy học theo tình huống				x		x	x			x		
7. Dạy học theo nhóm			x			x		x	x			x
<b>III. Học trải nghiệm</b>												
8. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Bài tập nhóm				x	x			x	x			
<b>IV. Dạy học tương tác</b>												
10. Thảo luận		x		x		x		x		x	x	
11. Làm việc nhóm							x	x	x			x
<b>V. Tự nghiên cứu</b>												
12. Tiểu luận	x		x			x	x			x	x	

13. Báo cáo thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14. Đề án	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

**- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học**

+ Chú trọng sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong đó chú trọng lấy người học là trung tâm để thiết kế nội dung, phương pháp dạy học theo phát triển năng lực người học, tăng đối thoại, thảo luận, làm việc nhóm. Trong quá dạy học, cần chú ý đổi mới theo hướng gợi mở, nêu vấn đề, tạo tình huống, giảm thời gian thuyết giảng.

+ Sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, phương tiện dạy học tập; đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực và chất lượng dạy học của giảng viên.

**1.6.2. Phương pháp đánh giá**

**\* Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

**\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

- Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ
1	<b>Quá trình</b>	<p>* <i>Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học đầy đủ.</i></p> <p>* <i>Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p> <p>* <i>Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần.</i></p> <p>* <i>Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu chi tiết trong M4 của học phần.</i></p>	30% 40% 50%
2	<b>Cuối kỳ</b>	<p><i>Thi kết thúc học phần</i></p> <p>* <i>Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p> <p>* <i>Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p>	70% 60% 50%

- Học phần thực tập chuyên môn

Thực tập phải có báo cáo thực tập và chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo (có thể chấm hoặc vấn đáp) chiếm 50%.

Tiêu chí đánh giá: được nêu cụ thể trong M4 của học phần.



- Học phân đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

**\* Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng

**Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I. Đánh giá tiến trình</b>											
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Đánh giá bài tập		x	x			x	x	x	x		x
3. Đánh giá thuyết trình			x	x			x	x	x	x	x
4. Đánh giá làm việc nhóm			x		x			x	x	x	
5. Đánh giá các bài kiểm tra	x	x	x	x			x	x		x	x
<b>II. Đánh giá tổng kết</b>											
6. Thi viết	x	x	x	x				x	x		
7. Thi vấn đáp	x	x	x					x	x		
8. Báo cáo tiểu luận	x		x	x	x	x	x		x		x
9. Báo cáo thực tập		x	x			x	x	x	x	x	x
10. Đánh giá làm việc nhóm			x		x			x	x	x	
11. Đánh giá thuyết trình			x	x			x	x	x	x	x

## 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
<b>1</b>	<b>Phần kiến thức chung</b>	<b>4</b>	
<b>2</b>	<b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>24</b>	<b>17</b>
2.1	Các học phần bắt buộc	24	
2.2	Các học phần tự chọn		17
<b>3</b>	<b>Thực tập</b>	<b>6</b>	
<b>4</b>	<b>Đề án tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	
<b>Tổng:</b>		<b>43</b>	<b>17</b>
		<b>60</b>	

#### - Phần kiến thức chung gồm 1 học phần:

Phần kiến thức chung giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học chính trị, hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho người học.

#### - Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành gồm 17 học phần:

Trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý, quản trị nói chung và quản lý kinh tế nói riêng, quản lý ở tầm vĩ mô và quản trị doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập.

+ Kiến thức chung về lãnh đạo quản lý.

+ Quản lý nhà nước về kinh tế, quản lý nhà nước về xã hội, quản lý công, quản lý chiến lược, chính sách kinh tế,...

+ Quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: tổ chức và nhân sự, tài chính, nông nghiệp, nông thôn, thương mại, du lịch, môi trường, đầu tư,...

+ Quản lý phát triển vùng và địa phương, quản lý doanh nghiệp,...

+ Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa, quản lý sự thay đổi và đổi mới,...

Trên cơ sở những kiến thức lĩnh hội được người học có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

#### - Thực tập gồm 2 học phần:

Giúp người học trau dồi kỹ năng thực hành để áp dụng kiến thức vào thực tiễn; Có thái độ tự giác và đúng đắn về nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức phục vụ, xây dựng đất nước; có tác phong cầu thị, phương pháp làm việc khoa học.

#### - Đề án tốt nghiệp

Giúp người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và giải quyết độc lập đối với các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.

**2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ (%)	PLOs										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phần kiến thức chung	4	6,67%	M	M	M	H	M		M			M	
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	41	68,33%											
2.1	Các học phần bắt buộc	24	40%	L	M	H	H	H	M	H	H	M	H	M
2.2	Các học phần tự chọn	17	28,33%	L	M	H	M	M	H	M	M	H	M	M
3	Thực tập	6	10%	M	M	H	H	H	M	H	M	M	M	M
4	Đề án tốt nghiệp	9	15%	M	M	H	H	H	H	H	M	H	H	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

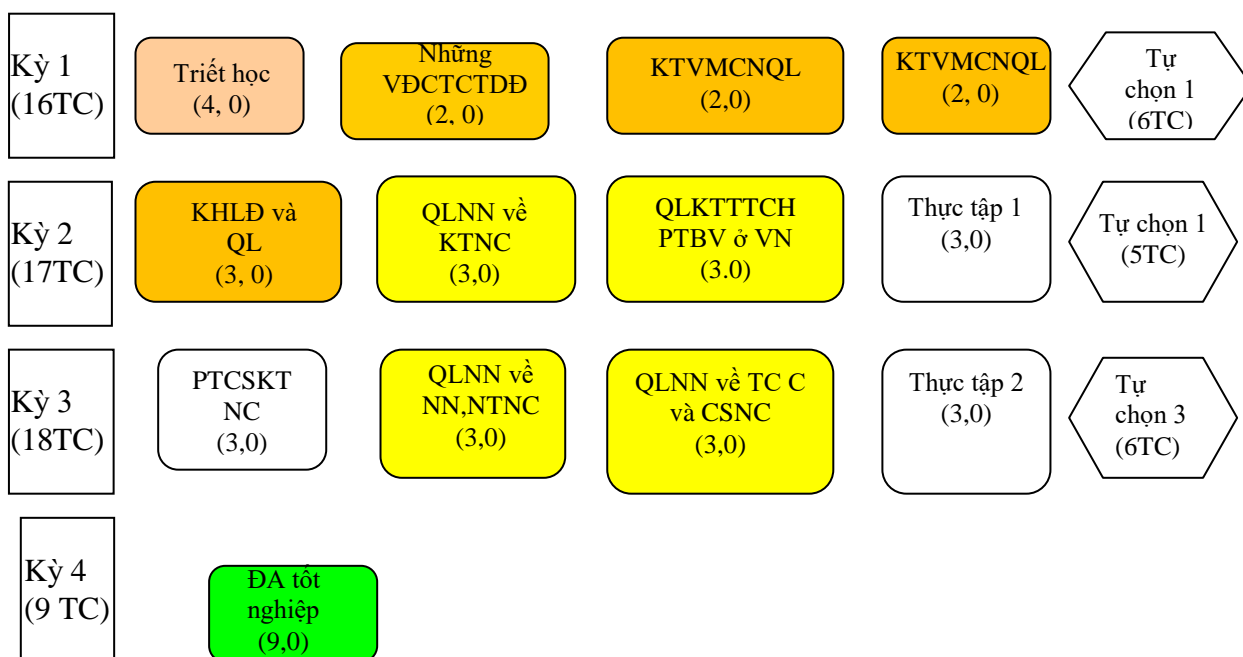
**2.3. Danh sách các học phần**

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN			
<b>I. Phần kiến thức chung</b>					<b>4</b>					
<b>I.1. Triết học</b>										
1	XHTH	501	Triết học	1	4				LLCT- Luật và QLNN	
<b>II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>					<b>41</b>					
<b>II.1. Phần bắt buộc</b>					<b>24</b>					
2	QLCT	801	Những vấn đề Kinh tế chính trị đương đại	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
3	QLVM	802	Kinh tế vi mô cho nhà quản lý	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
4	QLVM	803	Kinh tế vĩ mô cho nhà quản lý	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
5	QLLĐ	804	Khoa học lãnh đạo và quản lý	2	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	
6	QLNC	814	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng	2	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	

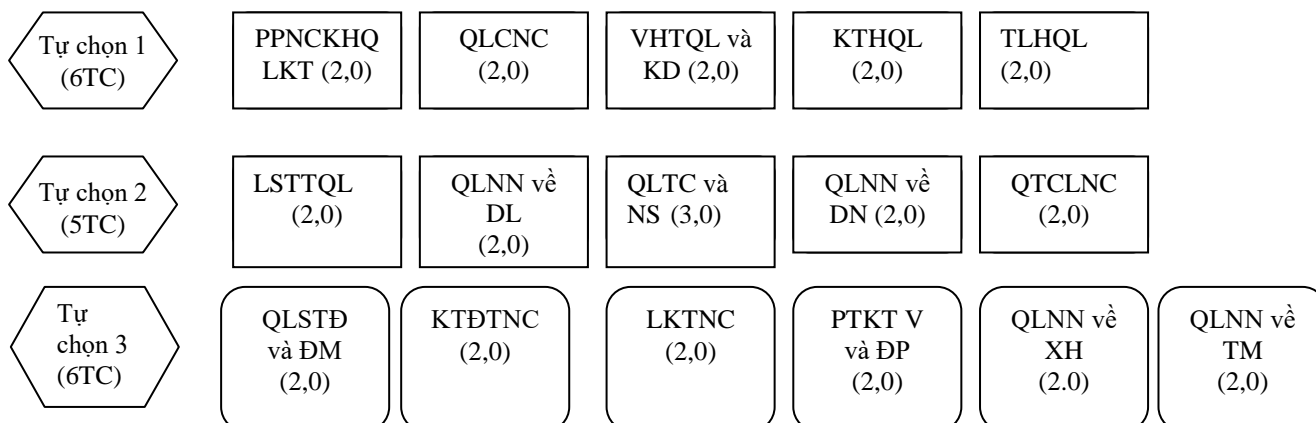
			cao							
7	QLCS	815	Phân tích chính sách kinh tế nâng cao	3	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	
8	QLNT	817	Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn nâng cao	3	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	
9	QLCC	818	Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản nâng cao	3	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	
10	QLTC	819	Quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam	2	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	
<i>II.2. Phần tự chọn</i>					<b>17</b>					
11	QLPP	805	Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý kinh tế	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
12	QLQC	806	Quản lý công nghệ nâng cao	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
13	QLLK	807	Luật kinh tế nâng cao	2	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
14	QLLS	808	Lịch sử tư tưởng quản lý	2	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
15	QLVH	809	Văn hóa trong quản lý và kinh doanh	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
16	QLKT	810	Kinh tế học quản lý	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
17	QLTL	811	Tâm lý học quản lý	1	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
18	QLĐT	812	Kinh tế đầu tư nâng cao	2	2	1,5	0,5		Kinh tế - Kế toán	
19	QLNS	816	Quản lý tổ chức và nhân sự	2	3	2	1		LLCT- Luật và QLNN	
20	QLDL	820	Quản lý nhà nước về du lịch	3	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
21	QLDN	821	Quản lý nhà nước về doanh nghiệp	3	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
22	QLĐP	822	Phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN	
23	QLĐM	823	Quản lý sự thay	3	2	1,5	0,5		LLCT- Luật	

			đổi và đổi mới						và QLNN
24	QLXH	824	Quản lý nhà nước về xã hội	3	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN
25	QLTM	826	Quản lý nhà nước về thương mại	3	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN
26	QLCL	830	Quản trị chiến lược nâng cao	2	2	1,5	0,5		LLCT- Luật và QLNN
<b>III. Thực tập</b>					<b>6</b>				
27	QLTT	831	Thực tập 1	2	3				LLCT- Luật và QLNN
28	QLTT	832	Thực tập 2	3	3				LLCT- Luật và QLNN
<b>IV. Đề án tốt nghiệp</b>					<b>9</b>				
29	QLĐA	833	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	4	9				LLCT- Luật và QLNN
<b>Tổng cộng</b>					<b>60</b>				





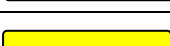

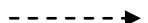
#### 2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



#### Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

	Khối kiến thức chung		Kiến thức bổ trợ (nếu có)
	Khối kiến thức cơ sở ngành		LV tốt nghiệp/Đồ án/Khác
	Khối kiến chuyên ngành (nếu có)		Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành		Học phần song hành

## 2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	501	Triết học	M	M	M	H	M		M			M	
2	801	Những vấn đề Kinh tế chính trị đương đại	L			M	M		L			L	
3	802	Kinh tế vi mô cho nhà quản lý		L		M		M				M	M
4	803	Kinh tế vĩ mô cho nhà quản lý		L		H		M		M		M	M
5	804	Khoa học lãnh đạo và quản lý		M	H		H			H	M	H	M
6	814	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	L	M		H	M		M		L	H	M
7	815	Phân tích chính sách kinh tế nâng cao				H			H	M	H		M
8	817	Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn nâng cao		L	H	M	M			M		M	M
9	818	Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản nâng cao		H		H	M	M		M	M		M
10	819	Quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam		M		H	M		H		L		L
11	805	Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý kinh tế	L	M					H		M		M

12	806	Quản lý công năng cao		H		H	M				M	M	
13	807	Luật kinh tế nâng cao	L		M		L				H		
14	808	Lịch sử tư tưởng quản lý	L	H		H	M			M	M	L	H
15	809	Văn hóa trong quản lý và kinh doanh	L				L				L	L	
16	810	Kinh tế học quản lý		M					M		L		L
17	811	Tâm lý học quản lý	L			H	M					M	
18	812	Kinh tế đầu tư nâng cao	L		M				M		M		
19	816	Quản lý tổ chức và nhân sự		M		H	M				M	M	
20	820	Quản lý nhà nước về du lịch				H	H			M	L		L
21	821	Quản lý nhà nước về doanh nghiệp		M			H				M		
22	822	Phát triển kinh tế vùng và địa phương			H				M	M		M	M
23	823	Quản lý sự thay đổi và đổi mới				H			H			H	M
24	824	Quản lý nhà nước về xã hội				H	H			M	L		L
25	826	Quản lý nhà nước về thương mại		M	H		H				M		M
26	830	Quản trị chiến lược nâng cao		M	H		H				M		M
27	831	Thực tập 1	M	M			M	M	M	M	M	M	M
28	832	Thực tập 2			H	H	H	M	H	M	M	M	M
29	833	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	M	M	H	H	H	H	H	M	H	H	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

## 2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

### 2.6.1. [501], [Triết học], [4 TC]

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học viên sẽ nghiên cứu môn Triết học đầu tiên trong chương trình đào tạo, nội dung bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế các vấn đề lý luận chung về triết học: bản thể luận; nhận thức luận trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng. Qua đó, học viên cũng nhận biết các vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập

những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho học viên cả ở hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.

#### 2.6.2. [801], [Những vấn đề Kinh tế chính trị đương đại], [2TC]

Học phần gồm 2 chương: Trong đó chương 1 bàn về những nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế chính trị đương đại. Cụ thể, chương 1 phân tích sâu về sự ảnh hưởng của hai nhân tố là toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Chương 2, bàn về một số vấn đề đặt ra đối với kinh tế chính trị đương đại. Cụ thể, phân tích sâu các vấn đề về tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hội nhập kinh tế quốc tế và an ninh kinh tế quốc gia. Trong mỗi vấn đề nghiên cứu đều liên hệ thực tiễn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

#### 2.6.3. [802], [Kinh tế vi mô cho nhà quản lý] [2TC]

Kinh tế vi mô cho nhà quản lý là môn học trong khối kiến thức bắt buộc ở chương trình đại học thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng. Học phần gồm 7 chương, cụ thể: chương 1 đề cập đến mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; chương 2 bàn về lý thuyết hành vi người tiêu dùng; chương 3 nói đến lựa chọn trong điều kiện rủi ro; chương 4 phân tích lý thuyết hành vi của hãng; chương 5 phân tích cấu trúc thị trường; chương 6 phân tích thị trường các yếu tố sản xuất; chương 7 bàn về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Đây là môn học để cung cấp các kiến thức làm cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các môn ngành, chuyên ngành và phát triển các kiến thức quản lý kinh tế trong thực tiễn.

#### 2.6.4. [803], [Kinh tế vĩ mô cho nhà quản lý], [2TC]

Kinh tế vĩ mô cho nhà quản lý là môn học nghiên cứu những kiến thức cơ bản, nâng cao về kinh tế vĩ mô liên quan đến lĩnh vực khoa học quản lý với những kiến thức trọng tâm như: đo lường các đại lượng kinh tế vĩ mô; sản xuất và phân phối sản lượng quốc gia; tổng cung, tổng cầu; chính sách tài tệ, chính sách tài chính; chu kỳ mới của nền kinh tế... và sự vận dụng cho quản lý kinh tế...

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản lý kinh tế. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế vĩ mô dành cho nhà quản lý, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp học viên phát triển các kiến thức quản lý kinh tế trong thực tiễn.

#### 2.6.5. [804], [Khoa học lãnh đạo và quản lý], [3TC]

Khoa học lãnh đạo, quản lý là học phần nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãnh đạo và quản lý trong các tổ chức. Học phần đưa ra các quan điểm, nội dung và phương pháp của khoa học lãnh đạo, quản lý như: tư duy và nhìn lãnh đạo; tâm lý trong lãnh đạo; quyết định trong lãnh đạo; kỹ năng và nghệ thuật lãnh đạo... những kiến thức này giúp cho người học nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của mình.

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức về khoa học lãnh đạo, quản lý, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp học viên phát triển các kiến thức trong lĩnh vực quản lý.

#### 2.6.6. [814], [Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao], [3TC]

Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao là môn học trong khối kiến thức bắt buộc ở chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng. Học phần gồm 5 chương, cụ thể:



chương 1 đề cập đến quản lý kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế; chương 2 vận dụng các quy luật, nguyên tắc và phương pháp trong quản lý nhà nước về kinh tế; chương 3 bàn về thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; chương 4 làm rõ bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; chương 5 bàn về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế. Đây là môn học để cung cấp các kiến thức sâu về quản lý kinh tế giúp học viên nắm bắt và phát triển các kiến thức quản lý kinh tế trong thực tiễn.

#### 2.6.7. [815], [Phân tích chính sách kinh tế nâng cao], [3TC]

Phân tích chính sách kinh tế là môn học nghiên cứu những vấn đề liên quan đến chính sách kinh tế bằng quan điểm và những công cụ phân tích của khoa học quản lý như khái niệm, vai trò, những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách kinh tế; chu trình chính sách; hoạch định, thể chế hóa, thực thi và đánh giá chính sách kinh tế...

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức về chính sách kinh tế, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp học viên phát triển các kiến thức quản lý kinh tế.

#### 2.6.8. [817], [Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn nâng cao], [3TC]

Ở chương trình đào tạo trình độ đại học, sinh viên đã bước đầu tiếp cận những kiến thức căn bản về quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn. Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, học viên sẽ nghiên cứu học phần quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn với những nội dung sâu và mở rộng như: định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn; nông nghiệp Việt Nam trong toàn cầu hóa kinh tế; chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn; chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; quản lý nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn.

#### 2.6.9. [818], [Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản nâng cao], [3TC]

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về quản lý tài chính công như quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tín dụng nhà nước, quản lý các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước và quản lý về công sản (tài sản công). Học phần bao gồm tất cả có 5 chương cụ thể: chương 1 đi sâu vào nghiên cứu tài chính công và quản lý tài chính công; chương 2: ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước; chương 3: quản lý tín dụng nhà nước; chương 4: quản lý các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước; chương 5: quản lý công sản.

#### 2.6.10. [819], [Quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam], [3TC]

Học phần gồm 2 chương: Trong đó chương 1 bàn về toàn cầu hoá và phát triển bền vững. Cụ thể, chương 1 phân tích sâu về toàn cầu hoá và sự tác động của toàn cầu hoá; phát triển bền vững và phát triển kinh tế bền vững. Chương 2 bàn về nhà nước với vấn đề kinh tế trong toàn cầu hoá và phát triển bền vững. Cụ thể, chương 2 phân tích sâu về nội dung nhà nước với vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường; tác động của toàn cầu hoá và tính bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam; quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam.

#### 2.6.11. [805], [Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý kinh tế], [2TC]

Học phần trang bị những kiến thức về phương pháp nghiên cứu quản lý kinh tế; xác định và mô tả vấn đề cần nghiên cứu; tổng quan về tài liệu, cách viết và trích dẫn tài liệu tham khảo; hình thành khung lý thuyết, khung khái niệm và khung phân tích; thiết kế mẫu, thu thập và cách xử lý thông tin;

viết đề cương vấn đề cần nghiên cứu; cách viết và trình bày báo cáo nghiên cứu, đề án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế.

#### 2.6.12. [806], [Quản lý công nghệ cao], [2TC]

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về quản lý công, dưới cách tiếp cận hành chính công từ góc độ hiệu quả trong quản lý. Học phần bao gồm tất cả 4 chương, chương 1: Tổng quan những vấn đề cơ bản về quản lý công; chương 2: Môi trường và động cơ làm việc trong khu vực công; chương 3: Mô hình quản lý công mới; chương 4: Cải cách hành chính và đổi mới quản lý công ở Việt Nam.

#### 2.6.13. [807], [Luật kinh tế nâng cao], [2TC]

Luật kinh tế nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản lý kinh tế nhằm trang bị cho người học những hiểu biết pháp luật cơ bản về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm: các quy định pháp luật về đầu tư, tổ chức, quản lý và tiến hành các hoạt động kinh doanh, thương mại bao gồm quy định về đầu tư kinh doanh, quá trình hình thành các loại chủ thể kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh. Thông qua việc làm bài tập vận dụng, học viên có năng lực tìm kiếm và áp dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.

#### 2.6.14. [808], [Lịch sử tư tưởng quản lý], [2TC]

Học phần nghiên cứu chuyên sâu về sự hình thành của những tư tưởng, học thuyết quản lý qua các thời kỳ lịch sử (cổ - trung đại, cận hiện - đại); Nội dung các tư tưởng, học thuyết quản lý của các tác giả tiêu biểu; tiến trình phát triển của các tư tưởng, học thuyết quản lý và đặc điểm cơ bản của các tư tưởng quản lý trong lịch sử. Làm rõ các tư tưởng, học thuyết quản lý đã nảy sinh một cách tất yếu từ thực tiễn quản lý cụ thể và đã đáp ứng yêu cầu nhất định của thực tiễn quản lý đó.

#### 2.6.15.[809], [Văn hóa trong quản lý và kinh doanh], [2TC]

Văn hóa trong quản lý và kinh doanh là học phần tự chọn trong nhóm kiến thức kinh tế - xã hội – quản lý nhà nước trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng. Nội dung chương trình môn học được cấu trúc 6 chương, trong đó chương 1 đề cập đến văn hóa và văn hóa trong kinh doanh. Chương 2 đề cập đến khái niệm, vai trò, biểu hiện và các vấn đề đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu. Chương 3 khái quát quan niệm, biểu hiện và tác động của văn hóa ứng xử trong kinh doanh. Chương 4 đề cập đến vấn đề văn hóa trong xây dựng thương hiệu. Chương 5 đề cập văn hóa trong hoạt động marketing. Chương 6 đề cập đến vấn đề khách hàng và văn hóa trong định hướng khách hàng. Với nội dung của học phần sẽ cung cấp cho học viên kiến thức chung về văn hóa trong quản lý và kinh doanh. Những kiến thức được trang bị sẽ giúp học viên hiểu vai trò của văn hóa trong quản lý và kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

#### 2.6.16. [810], [Kinh tế học quản lý], [2TC]

Kinh tế học quản lý là môn khoa học về vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ của khoa học ra quyết định về việc sử dụng (phân bổ) tối ưu các nguồn lực khan hiếm của một tổ chức. Học phần gồm 6 chương: Chương 1, những vấn đề chung về kinh tế học quản lý; chương 2, cầu và dự báo; chương 3, sản xuất và chi phí; chương 4, cấu trúc thị trường, hành vi chiến lược và định giá; chương 5,

rủi ro, không chắc chắn và khuyến khích; chương 6, mối quan hệ giữa chính phủ, doanh nghiệp và thị trường toàn cầu.

2.6.17. [811], [Tâm lý học quản lý], [2TC]

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về tâm lý học quản lý. Học phần bao gồm tất cả 4 chương. Chương 1: Khái quát chung về hoạt động quản lý và tâm lý học quản lý; Chương 2: Tâm lý học trong công tác quản lý cá nhân và tập thể; Chương 3: Đặc điểm tâm lý người quản lý; Chương 4: Hoạt động giao tiếp trong công tác quản lý.

2.6.18. [812], [Kinh tế đầu tư nâng cao], [2TC]

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan nhất về bản chất của hoạt động đầu tư phát triển; đầu tư công, mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, vốn và nguồn vốn đầu tư ở góc độ nền kinh tế và doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp các kiến thức để đánh giá kết quả và hiệu quả trong hoạt động đầu tư.

Học phần thuộc kiến thức về quản lý đầu tư sẽ tạo nền tảng kiến thức về đầu tư phát triển và có tầm nhìn về các vấn đề về kinh tế đầu tư trong thực tiễn quản lý kinh tế.

2.6.19. [816], [Quản lý tổ chức và nhân sự], [3TC]

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về quản lý tổ chức và nhân sự. Học phần có tất cả 7 chương. Chương 1: Tổng quan về quản lý nhân sự; Chương 2: Phân tích công việc; Chương 3: Hoạch định nhân sự; Chương 4: Tuyển dụng nhân sự; Chương 5: Hội nhập, đào tạo và phát triển nhân sự; Chương 6: Đánh giá nhân sự; Chương 7: Thù lao lao động và quan hệ lao động.

2.6.20. [820], [Quản lý nhà nước về du lịch], [2TC]

Ở học phần này, học viên sẽ có cái nhìn tổng thể về du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch; phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; nguồn lực trong hoạt động kinh doanh du lịch; thị trường du lịch; khai thác tiềm năng du lịch; khai thác điểm, tuyến, tour du lịch; vai trò của nhà nước và chính quyền địa phương trong hoạt động du lịch.

2.6.21. [821], [Quản lý nhà nước về doanh nghiệp], [2TC]

Học phần gồm 3 chương: Chương 1, tổng quan về doanh nghiệp, bao gồm những vấn đề chung như khái niệm doanh nghiệp, phân loại doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam. Chương 2, những vấn đề chung của quản lý nhà nước về doanh nghiệp, bao gồm khái niệm, sự cần thiết quản lý nhà nước về doanh nghiệp, các chức năng quản lý nhà nước về doanh nghiệp... Chương 3, nội dung quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam.

2.6.22. [822], [Phát triển kinh tế vùng và địa phương], [2TC]

Phát triển vùng, địa phương là môn học về phát triển kinh tế được tiếp cận từ năng lực cạnh tranh. Môn học sẽ giúp học viên trả lời câu hỏi: Làm thế nào một đơn vị hay tổ chức (chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, các cụm ngành, hiệp hội ngành nghề v.v.) xây dựng năng lực cạnh tranh của một vùng hay địa phương để đạt được các mục tiêu phát triển của mình.

2.6.23. [823], [Quản lý sự thay đổi và đổi mới], [2TC]

Học phần này đi vào 5 chuyên đề về quản lý sự thay đổi.

Trong đó chuyên đề 1 hệ thống lại về những cơ sở lý thuyết về sự thay đổi và quản lý sự thay đổi. Các chuyên đề sau đi sâu nghiên cứu quản lý sự thay đổi những nội dung cụ thể trong tổ chức như

quản lý sự thay đổi cơ cấu, sự thay đổi công nghệ và sự thay đổi con người. Đồng thời, môn học cũng nghiên cứu một chuyên đề riêng quản lý sự sáng tạo và đổi mới trong tổ chức.

#### 2.6.24. [824], [Quản lý nhà nước về xã hội], [2TC]

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Quản lý xã hội là vấn đề hết sức quan trọng của mỗi quốc gia trong mọi thời đại, nhằm mục tiêu bảo vệ và phát triển đất nước. Do đó, đây là học phần rất cần thiết cho người học thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế. Học phần cung cấp cho người học có cái nhìn tổng quan về xã hội và quản lý xã hội; giúp người học hiểu về chủ thể quản lý xã hội, các thiết chế cơ bản và các vấn đề Nhà nước cần quan tâm trong quản lý xã hội; những biến đổi xã hội; các nguyên tắc, phương pháp và hình thức quản lý xã hội của Nhà nước; các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu trong quản lý xã hội.

#### 2.6.25. [826], [Quản lý nhà nước về thương mại], [2TC]

Học phần gồm 3 chương: Chương 1, tổng quan về thương mại, bao gồm những vấn đề về khái niệm, đặc điểm và vai trò của thương mại, sự cần thiết của hoạt động thương mại. Chương 2, những vấn đề chung của quản lý nhà nước về thương mại, bao gồm khái niệm, sự cần thiết quản lý nhà nước về thương mại, bản chất, vai trò, chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước về thương mại, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại. Chương 3, bàn về những nội dung quản lý nhà nước về thương mại.

#### 2.6.26. [830], [Quản trị chiến lược nâng cao], [2TC]

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về quản trị chiến lược như: Xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, các giá trị cốt lõi và tầm nhìn của doanh nghiệp; hình thành mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp để thực hiện sứ mệnh; đánh giá thế và lực của doanh nghiệp; phát hiện thời cơ của chiến lược doanh nghiệp; thực thi chiến lược hướng đích thông qua chuỗi các biện pháp: thay đổi tổ chức; thiết lập hệ thống khuyến khích và trợ lực; phát triển văn hóa mạnh; nhận thức và phản ứng với những thay đổi và sai lệch chiến lược. Các chiến lược trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

#### 2.6.27. [831], [Thực tập 1], [3TC]

Học phần này giúp người học tiếp cận với môi trường thực tế tìm hiểu quy trình quản lý kinh tế của các địa phương, các lĩnh vực kinh tế, các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp; quan sát học hỏi kinh nghiệm, kiến thức quản lý từ những người quản lý đơn vị thực tập; củng cố các kiến thức đã học ở Nhà trường thông qua thực tập tại các đơn vị.

#### 2.6.28. [832], [Thực tập 2], [3TC]

Học phần này giúp người học tiếp cận với môi trường thực tế tìm hiểu quy trình quản lý kinh tế của các địa phương, các lĩnh vực kinh tế, các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp; vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề quản lý kinh tế phát sinh trong thực tiễn; tham mưu, tư vấn, xây dựng, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát, phân tích và đánh giá những vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế tại các đơn vị thực tập.

#### 2.6.29. [833], [Đề án tốt nghiệp thạc sĩ], [2TC]

Đề án tốt nghiệp thạc sĩ là một báo cáo trình bày nghiên cứu và phát hiện của của người học cho chủ đề nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo nộp cho Hội đồng khoa học để ứng cử cho văn bằng thạc sĩ.

*Bình Định, ngày .....tháng .....năm 20...*

**TRƯỞNG KHOA**

**TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS,TS. Đoàn Thế Hùng**